

TÀI LIỆU PHỤC VỤ

**Cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về công nghệ thông tin,
chuyển đổi số, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo năm 2026**

PHẦN: LUẬT AN NINH MẠNG (2025)

Câu 1: An ninh mạng được hiểu là gì?

- A. Việc bảo vệ máy tính khỏi virus và phần mềm độc hại
- B. Việc bảo đảm tốc độ và khả năng truy cập Internet
- C. Sự ổn định, an ninh, an toàn của không gian mạng; bảo vệ hệ thống thông tin và bảo đảm thông tin, dữ liệu, hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến các lợi ích được pháp luật bảo vệ**
- D. Việc kiểm soát toàn bộ hoạt động của người sử dụng Internet

Câu 2: Hệ thống thông tin được định nghĩa là gì?

- A. Bao gồm máy tính và thiết bị mạng
- B. Tập hợp phần cứng, phần mềm và dữ liệu được thiết lập phục vụ việc tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin trên không gian mạng**
- C. Liên quan đến hệ thống cơ sở dữ liệu
- D. Là bao gồm mạng Internet và mạng viễn thông

Câu 3. Hành vi nào sau đây được xem là tấn công mạng?

- A. Sử dụng Internet để trao đổi, chia sẻ thông tin cá nhân
- B. Sử dụng công nghệ thông tin hoặc phương tiện điện tử trên không gian mạng nhằm chiếm đoạt thông tin, gây rối loạn, gián đoạn, tê liệt, phá hoại hoặc kiểm soát các hệ thống mạng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu...**
- C. Sao lưu dữ liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân
- D. Cả 2 ý A và C

Câu 4: Biện pháp nào sau đây là bảo vệ an ninh mạng?

- A. Thăm định an ninh mạng, đánh giá điều kiện an ninh mạng, kiểm tra và giám sát an ninh mạng.**
- B. Kiểm tra thông tin của chủ quản hệ thống thông tin.
- C. Yêu cầu chuyên môn của người quản trị hệ thống.
- D. Yêu cầu người sử dụng thay đổi mật khẩu định kỳ.

Câu 5: Theo Luật An ninh mạng, hệ thống thông tin được phân loại thành bao nhiêu cấp độ?

- A. 3 cấp độ
- B. 4 cấp độ
- C. 5 cấp độ**
- D. 6 cấp độ

Câu 6: Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày nào?

- A. 01/01/2025
- B. 01/05/2025
- C. 01/07/2026**
- D. 01/01/2027

Câu 7: Điểm phân biệt quan trọng nhất giữa “nguy cơ đe dọa an ninh mạng” và “sự cố an ninh mạng” là gì?

- A. Nguy cơ chỉ xảy ra đối với cơ quan nhà nước
- B. Sự cố là sự việc bất ngờ đã xảy ra trên không gian mạng, còn nguy cơ là trạng thái xuất hiện dấu hiệu đe dọa**
- C. Nguy cơ luôn nghiêm trọng hơn sự cố
- D. Sự cố chỉ liên quan đến phần mềm độc hại

Câu 8: theo Luật An ninh mạng, một hệ thống thông tin có khả năng gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc làm tổn hại tới lợi ích công cộng. Hệ thống thông tin này thuộc cấp độ nào?

- A. Cấp độ 1
- B. Cấp độ 2**
- C. Cấp độ 3
- D. Cấp độ 4

Câu 9: Theo Luật An ninh mạng, một trong những biện pháp xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng là gì?

- A. Ngừng mọi hoạt động giám sát
- B. Ngắt kết nối mạng quốc tế trong mọi trường hợp
- C. Phân tích, đánh giá thông tin, dự báo khả năng, phạm vi ảnh hưởng và mức độ thiệt hại**
- D. Xóa toàn bộ dữ liệu liên quan

Câu 10: Nội dung nào sau đây không phải là nội dung bảo đảm an ninh dữ liệu theo Luật an ninh mạng?

- A. Xây dựng chính sách, thiết lập quy trình bảo đảm an ninh dữ liệu
- B. Sử dụng mật mã cơ yếu, mật mã dân sự để bảo đảm an ninh dữ liệu
- C. Kiểm tra, đánh giá rủi ro định kỳ
- D. Công khai toàn bộ dữ liệu để tăng tính minh bạch**

PHẦN: LUẬT CHUYỂN ĐỔI SỐ (2025)

Câu 1: Theo Luật Chuyển đổi số thì số hóa được hiểu là gì?

- A. Chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan sang môi trường số.
- B. Chuyển đổi thông tin, dữ liệu, tài liệu từ dạng vật lý hoặc tương tự sang dạng dữ liệu số.**
- C. Tự động hóa các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
- D. Tất cả các ý trên đều sai

Câu 2: Nội dung nào sau đây không phải là nguyên tắc chuyển đổi số được quy định trong Luật Chuyển đổi số?

- A. Lấy người sử dụng làm trung tâm.
- B. Tăng cường kết nối, chia sẻ và sử dụng lại dữ liệu.
- C. Bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư.
- D. Chỉ ưu tiên ứng dụng công nghệ số trong cơ quan nhà nước.**

Câu 3: Theo Luật Chuyển đổi số, thì yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống số được áp dụng bắt buộc đối với trường hợp nào sau đây?

- A. Tất cả hệ thống số của mọi doanh nghiệp.
- B. Hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số của cơ quan nhà nước; hệ thống số phục vụ lợi ích công cộng; dịch vụ số thiết yếu.**
- C. Chỉ các hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương.
- D. Chỉ hệ thống số có kết nối Internet quốc tế.

Câu 4: Theo Luật Chuyển đổi số, chia sẻ dữ liệu số được hiểu là gì?

- A. Chuyển toàn bộ dữ liệu từ cơ quan này sang cơ quan khác.
- B. Việc cung cấp, trao đổi hoặc cho phép truy cập dữ liệu số giữa các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo nguyên tắc, tiêu chuẩn và yêu cầu bảo đảm an toàn.**
- C. Việc công khai tất cả dữ liệu trên Internet.
- D. Việc sao lưu dữ liệu trên hệ thống máy chủ.

Câu 5: Chính sách nào sau đây được xác định trong phát triển chuyển đổi số?

- A. Hạn chế phát triển nền tảng số dùng chung để tránh cạnh tranh.
- B. Chỉ tập trung chuyển đổi số trong khu vực nhà nước.
- C. Phát triển công dân số, thúc đẩy các điều kiện tiếp cận và sử dụng công bằng dịch vụ số cơ bản.**
- D. Chỉ ưu tiên các doanh nghiệp lớn trong chuyển đổi số.

Câu 6: Chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ dựa trên yếu tố nào nhằm tạo ra giá trị mới, hiệu quả và minh bạch?

- A. Công nghệ số, dữ liệu số, hệ thống số, nền tảng số, quy trình số**
- B. Mạng viễn thông và Internet
- C. Trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn
- D. Phần mềm quản lý và phần cứng

Câu 7: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm theo Luật Chuyển đổi số?

- A. Thử nghiệm có kiểm soát trong chuyển đổi số
- B. Cản trở, phá hoại hoạt động chuyển đổi số; làm gián đoạn, đình trệ, gây mất an toàn cho hệ thống số**
- C. Sử dụng dịch vụ công trực tuyến một phần
- D. Đào tạo, bồi dưỡng năng lực số

Câu 8: Theo Luật Chuyển đổi số, thì hạ tầng số bao gồm thành phần nào sau đây?

- A. Hạ tầng viễn thông
- B. Hạ tầng trung tâm dữ liệu
- C. Điện toán đám mây
- D. Tất cả ý trên**

Câu 9: Theo Luật Chuyển đổi số thì một trong những nguyên tắc chuyển đổi số là gì?

- A. Lấy người sử dụng làm trung tâm**
- B. Chuyển giao công nghệ số
- C. Ứng dụng thủ tục hành chính số
- D. Cả ba ý trên đều đúng

Câu 10: Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày nào?

- A. 01/01/2026
- B. 01/05/2026
- C. 01/07/2026**
- D. 01/01/2027

PHẦN: LUẬT DỮ LIỆU (2024)

Câu 1: Luật Dữ liệu 2024 chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày nào?

- A. 01/01/2025
- B. 19/12/2024
- C. 01/7/2025**
- D. 30/11/2024

Câu 2: Theo Luật Dữ liệu, trường hợp nào tổ chức, cá nhân phải cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước mà không cần chủ thể dữ liệu đồng ý?

- A. Khi doanh nghiệp muốn nghiên cứu thị trường liên quan dữ liệu
- B. Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để ứng phó với tình trạng khẩn cấp**
- C. Khi cơ quan nhà nước thực hiện khảo sát xã hội học
- D. Khi có thỏa thuận thương mại giữa các bên.

Câu 3: Dữ liệu được phân loại theo tính chất quan trọng bao gồm những loại nào?

- A. Dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng, dữ liệu mở.
- B. Dữ liệu nội bộ, dữ liệu công khai, dữ liệu bí mật.
- C. Dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu khác.**
- D. Dữ liệu số hóa và dữ liệu gốc.

Câu 4: Theo Luật Dữ liệu, dữ liệu số được hiểu là gì?

- A. Chỉ bao gồm các chữ số được lưu trữ trong máy tính
- B. Dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện dưới dạng kỹ thuật số**
- C. Các văn bản giấy tờ được lưu trữ tại cơ quan nhà nước
- D. Chỉ bao gồm hình ảnh và âm thanh kỹ thuật số.

Câu 5: Cơ quan nhà nước phải phân loại dữ liệu dựa trên tiêu chí nào sau đây?

- A. Theo dung lượng dữ liệu và định dạng file.
- B. Theo tính chất chia sẻ dữ liệu và tính chất quan trọng của dữ liệu.**
- C. Theo thời gian tạo lập và đơn vị tạo lập.
- D. Theo ngôn ngữ sử dụng trong dữ liệu.

Câu 6: Dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội được gọi là dữ liệu gì?

- A. Dữ liệu mở
- B. Dữ liệu dùng chung**
- C. Dữ liệu nội bộ
- D. Dữ liệu dùng riêng

Câu 7: Dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng gọi là dữ liệu gì?

- A. Dữ liệu mở**
- B. Dữ liệu dùng chung

- C. Dữ liệu gốc
- D. Dữ liệu quan trọng

Câu 8: Chính sách của Nhà nước ưu tiên xây dựng, phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm?

- A. Phục vụ chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế số**
- B. Hạn chế chia sẻ dữ liệu mở
- C. Giảm sử dụng công nghệ
- D. Thay thế toàn bộ cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Câu 9: Dữ liệu được tạo lập trong quá trình hoạt động hoặc thu thập, tạo lập từ số hóa bản chính giấy tờ, tài liệu được gọi là gì?

- A. Dữ liệu mở
- B. Dữ liệu gốc**
- C. Dữ liệu dùng riêng
- D. Dữ liệu quan trọng

Câu 10: Theo Luật Dữ liệu, thì khi dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, chia sẻ thì?

- A. Phải thu thập lại
- B. Không thu thập lại**
- C. Phải sao chép thành dữ liệu mới
- D. Phải chuyển thành dữ liệu giấy

PHẦN: NGHỊ QUYẾT 57 (BỘ CHÍNH TRỊ)

Câu 1: Nghị quyết số 57-NQ/TW được Bộ Chính trị ban hành vào ngày nào?

- A. 22/12/2024
- B. 22/11/2024
- C. 12/12/2024
- D. 01/01/2025

Câu 2: Nghị quyết số 57-NQ/TW tập trung vào nội dung nào?

- A. Phát triển văn hóa và du lịch
- B. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**
- C. Phát triển nông nghiệp truyền thống
- D. Cải cách tiền lương

Câu 3: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xác định là gì?

- A. Hoạt động hỗ trợ
- B. Đột phá quan trọng hàng đầu**
- C. Nhiệm vụ riêng của doanh nghiệp
- D. Hoạt động ngắn hạn

Câu 4: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW thì phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính để làm gì?

- A. Phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại**
- B. Giảm ứng dụng công nghệ
- C. Hạn chế thương mại quốc tế
- D. Thu hẹp hệ thống giáo dục

Câu 5: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW, lực lượng nào cần phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực hiện chuyển đổi số?

- A. Chỉ doanh nghiệp
- B. Chỉ cơ quan nhà nước
- C. Cả hệ thống chính trị**
- D. Chỉ các trường đại học

Câu 6: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW, xác định người dân và doanh nghiệp giữ vai trò nào?

- A. Chỉ là đối tượng thụ hưởng
- B. Trung tâm, chủ thể, nguồn lực và động lực chính**
- C. Chỉ có nhiệm vụ giám sát
- D. Không trực tiếp tham gia

Câu 7: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW, nhà khoa học được xác định là gì?

A. Nhân tố then chốt

B. Đối tượng hỗ trợ

C. Cơ quan quản lý

D. Lực lượng phụ trợ

Câu 8: Nhà nước giữ vai trò gì trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số?

A. Đứng ngoài quá trình phát triển

B. Chỉ kiểm tra

C. Dẫn dắt, thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi

D. Chỉ cấp kinh phí

Đáp án: C

Câu 9: Nội dung nào được Nghị quyết 57-NQ/TW xác định là điều kiện tiên quyết và cần đi trước một bước?

A. Thể chế

B. Du lịch

C. Thương mại

D. Văn hóa

Câu 10: Nội dung nào sau đây thuộc nhóm trọng tâm, cốt lõi được Nghị quyết 57-NQ/TW đề cập?

A. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược

B. Chỉ đất đai và khoáng sản

C. Du lịch và thể thao

D. Văn hóa và giải trí

Câu 11: Nghị quyết 57-NQ/TW yêu cầu loại bỏ tư duy nào trong xây dựng pháp luật?

A. Học đi đôi với hành

B. Không quản được thì cấm

C. Lấy người dân làm trung tâm

D. Đổi mới để phát triển

Câu 12: Phát triển hạ tầng số phải bảo đảm nguyên tắc nào?

A. Hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí

B. Chỉ cần giá rẻ

C. Chỉ tập trung ở thành phố lớn

D. Phát triển tự phát

Câu 13: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW, dữ liệu cần được đưa trở thành gì?

A. Tài liệu lưu trữ đơn thuần

B. Tư liệu sản xuất chính

C. Tài sản chỉ dành cho cơ quan nhà nước

D. Nội dung không cần khai thác

Câu 14: Nghị quyết 57-NQ/TW nhấn mạnh từng bước tự chủ về lĩnh vực nào?

A. Công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược

B. Du lịch

C. Thể thao

D. Thương mại truyền thống

Câu 15: Việt Nam cần kết hợp trí tuệ trong nước với yếu tố nào?

A. Hạn chế tiếp cận công nghệ thế giới

B. Tiếp thu, hấp thụ, làm chủ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới

C. Chỉ sử dụng công nghệ cũ

D. Không hợp tác quốc tế

Câu 16: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW, nội dung nào là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình chuyển đổi số?

A. Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu và an toàn thông tin

B. Giảm tốc độ Internet

C. Hạn chế dịch vụ số

D. Giảm sử dụng dữ liệu

Câu 17: Nghị quyết 57-NQ/TW yêu cầu bảo đảm chủ quyền quốc gia trên đâu?

A. Chỉ trên biên

B. Không gian mạng

C. Chỉ vùng trời

D. Chỉ vùng biên giới

Câu 18: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW mục tiêu lớn của Việt Nam đến năm 2030 là trở thành nước như thế nào?

A. Nước phát triển, thu nhập rất cao

B. Nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao

C. Nước chủ yếu dựa vào nông nghiệp

D. Nước không sử dụng công nghệ số

Câu 19: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW mục tiêu lớn đến năm 2045 là Việt Nam trở thành nước như thế nào?

A. Đang phát triển, thu nhập thấp

B. Phát triển, thu nhập cao

C. Chỉ phát triển nông nghiệp

D. Không đặt mục tiêu cụ thể

Câu 20: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW thì đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm bao nhiêu nước dẫn đầu Đông Nam Á về năng lực cạnh tranh số?

A. 2 nước

B. 3 nước

C. 5 nước

D. 10 nước

Câu 21: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW thì đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm bao nhiêu nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử?

- A. 20 nước
- B. 30 nước
- C. 50 nước**
- D. 100 nước

Câu 22: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW thì đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm mấy nước dẫn đầu Đông Nam Á về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo?

- A. 3 nước**
- B. 5 nước
- C. 7 nước
- D. 10 nước

Câu 23: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW thì đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu có tối thiểu bao nhiêu doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến?

- A. 3
- B. 5**
- C. 10
- D. 20

Câu 24: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW thì tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đến năm 2030 được đặt mục tiêu ở mức nào?

- A. Trên 20%
- B. Trên 30%
- C. Trên 40%**
- D. Trên 80%

Câu 25: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW đặt mục tiêu bố trí ít nhất bao nhiêu phần trăm tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia?

- A. 1%
- B. 2%
- C. 3%**
- D. 5%

Câu 26: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đạt bao nhiêu người trên một vạn dân?

- A. 5 người
- B. 8 người
- C. 10 người
- D. 12 người**

Đáp án: D

Câu 27: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu có khoảng bao nhiêu tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới?

- A. 10 - 20
- B. 20 - 30
- C. 40 - 50**
- D. 80 - 100

Câu 28: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế được đặt mục tiêu tăng trung bình khoảng bao nhiêu mỗi năm?

- A. 5 - 7%
- B. 10 - 12%
- C. 16 - 18%**
- D. 25 - 30%

Câu 29: Đến năm 2030, Nghị quyết 57-NQ/TW đặt mục tiêu phủ sóng công nghệ nào trên toàn quốc?

- A. 3G
- B. 4G
- C. 5G**
- D. 2G

Câu 30: Công nghệ nào sau đây được Nghị quyết 57-NQ/TW xác định thuộc nhóm công nghệ chiến lược, công nghệ số cần từng bước làm chủ?

- A. Trí tuệ nhân tạo**
- B. Máy đánh chữ
- C. Điện báo
- D. Máy fax

Câu 31: IoT là một trong những công nghệ được Nghị quyết 57-NQ/TW quan tâm. Vậy theo bạn IoT thường được hiểu là gì?

- A. Internet vạn vật**
- B. Internet văn phòng
- C. Hệ thống kế toán
- D. Hệ thống báo chí

Câu 32. Công nghệ nào sau đây cũng được Nghị quyết 57-NQ/TW đề cập?

- A. Dữ liệu lớn**
- B. Chỉ máy tính cơ học
- C. Máy đánh chữ
- D. Điện tín

Câu 33: Nghị quyết 57-NQ/TW đề cập phát triển công nghệ thông tin di động nào sau 5G?

- A. 7G
- B. 8G

C. 5.1G

D. 6G

Câu 34: Theo Nghị quyết 57-NQ/TW thì mục tiêu 2030, quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương sẽ được tăng cường trên môi trường nào?

A. Chỉ bằng giấy

B. Môi trường số

C. Chỉ qua điện thoại

D. Không cần kết nối

Câu 35: Phong trào nào được Nghị quyết 57-NQ/TW yêu cầu triển khai sâu rộng?

A. Học tập số

B. Không sử dụng Internet

C. Hạn chế sáng tạo

D. Làm việc thủ công

Câu 36: Nghị quyết 57-NQ/TW khuyến khích các phong trào nào trong xã hội?

A. Khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến

B. Giảm nghiên cứu

C. Hạn chế ứng dụng công nghệ

D. Ngừng đào tạo

Câu 37: Việc hoàn thiện thể chế nhằm mục đích quan trọng nào?

A. Xóa bỏ các rào cản cản trở phát triển

B. Tăng thủ tục hành chính

C. Hạn chế nghiên cứu

D. Giảm đổi mới sáng tạo

Câu 38: Nghị quyết 57-NQ/TW yêu cầu thủ tục hành chính liên quan đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo hướng nào?

A. Đơn giản hóa tối đa

B. Tăng thêm giấy tờ

C. Chỉ thực hiện trực tiếp

D. Không thay đổi

Câu 39: Trong nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, Nghị quyết 57-NQ/TW cho phép nhìn nhận vấn đề rủi ro như thế nào?

A. Chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ phù hợp

B. Không chấp nhận bất kỳ rủi ro nào

C. Không được thử nghiệm

D. Chỉ sử dụng công nghệ cũ

Câu 40: Nhóm nhiệm vụ thứ ba tập trung vào nội dung nào?

A. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng

B. Giảm hạ tầng số

C. Giảm nghiên cứu

D. Hạn chế Internet

PHẦN: ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

Câu 1: Đề án Chuyển đổi số Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định nào?

- A. Quyết định số 749/QĐ-TTg.
- B. Quyết định số 272/QĐ-MTTW-BTT**
- C. Quyết định số 304-QĐ/TW
- D. Quyết định số 1619/QĐ-TTg

Câu 2: Tầm nhìn của Đề án Chuyển đổi số Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kéo dài đến năm nào?

- A. Năm 2030
- B. Năm 2025
- C. Năm 2035**
- D. Năm 2045

Câu 3: Hệ sinh thái “Mặt trận số” được xác định là gì trong định hướng chuyển đổi số của hệ thống MTTQ Việt Nam?

- A. Nền tảng duy nhất, đóng vai trò trung tâm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu và triển khai nghiệp vụ của toàn hệ thống**
- B. Trang tin tức điện tử chuyên nghiệp để tuyên truyền về đại đoàn kết toàn dân
- C. Hệ thống điện tử dùng chung cho hệ thống mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội
- D. Một ứng dụng mạng độc lập dành riêng cho cán bộ Mặt trận các cấp

Câu 4: Cán bộ, đảng viên công tác trong hệ thống Mặt trận và đoàn thể phải là hạt nhân nòng cốt gần không gian số thì giữ những tiêu chí nào?

- A. Gần chính quyền, gần doanh nghiệp, gần không gian số
- B. Gần không gian số, gần quần chúng, gần nhân dân
- C. Gần dân, gần cơ sở, gần không gian số**
- D. Gần trung ương, gần địa phương, gần cơ sở

Câu 5: Đề án “Chuyển đổi số Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” được thực hiện trong giai đoạn nào?

- A. Giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn 2030
- B. Giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2035**
- C. Giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045
- D. Giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn 2045

Câu 6: Theo Đề án, điểm khác biệt căn bản giữa ứng dụng CNTT trước đây và chuyển đổi số là gì?

- A. Chuyển từ máy tính để bàn sang máy tính xách tay
- B. Chuyển từ hồ sơ giấy sang hồ sơ điện tử**

C. Tạo chuyển đổi đột phá về mô hình, quy trình nghiệp vụ dựa trên dữ liệu và công nghệ số

D. Tăng số lượng phần mềm được sử dụng

Câu 7: Theo Đề án, chuyển đổi số MTTQ cần góp phần chuyển phương thức hoạt động từ?

A. Chủ động sang thụ động

B. Thụ động sang chủ động, đón đầu và định hướng

C. Tập trung sang phân tán

D. Số hóa sang thủ công

Câu 8: “Cổng Mặt trận số” theo Đề án được xác định có chức năng nổi bật nào?

A. Quản lý tài chính

B. Tiếp nhận kiến nghị 24/7

C. Quản lý cán bộ

D. Quản lý tài sản

Câu 9: Một trong những mục tiêu của chuyển đổi số MTTQ đối với công tác nghiệp vụ là gì?

A. Tăng cường tính bảo mật, an toàn hệ thống

B. Hỗ trợ nắm bắt tình hình nhân dân, giám sát, đánh giá sự hài lòng và hoạt động cứu trợ, an sinh xã hội

C. Tập trung vào văn thư, lưu trữ dữ liệu

D. Hỗ trợ phục vụ đối ngoại

Câu 10: Nguyên tắc quản lý cơ sở dữ liệu của MTTQ được xác định là gì?

A. Đúng - đủ - nhanh - mở - riêng - bảo mật

B. Đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung

C. Chính xác - đầy đủ - tập trung - riêng biệt

D. Sạch - mở - phân tán - dùng riêng

**PHẦN: TỔNG THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
THÀNH PHỐ**

Câu 1: Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Đà Nẵng được thực hiện trong giai đoạn nào?

- A. 2024 - 2026
- B. 2025 - 2027**
- C. 2025 - 2030
- D. 2026 - 2030

Câu 2: Một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Đà Nẵng là Nghị quyết số nào của Bộ Chính trị?

- A. Nghị quyết số 05-NQ/TU
- B. Nghị quyết số 57-NQ/TW**
- C. Nghị quyết số 204-QĐ/TW
- D. Nghị quyết số 301-KH/TU

Câu 3: Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Đà Nẵng yêu cầu phát huy vai trò nào của cán bộ, đoàn viên, hội viên trong ứng dụng công nghệ số?

- A. Vai trò thụ động
- B. Vai trò chủ động, sáng tạo**
- C. Vai trò giám sát
- D. Vai trò quản lý tài chính

Câu 4: Theo Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Đà Nẵng thì yêu cầu nào sau đây được đặt ra trong quá trình chuyển đổi số?

- A. Chỉ chú trọng đầu tư thiết bị
- B. Đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng**
- C. Hạn chế chia sẻ dữ liệu
- D. Không cần phân công nhiệm vụ

Câu 5: Hạ tầng số thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố được định hướng theo hướng nào?

- A. Phân tán, độc lập
- B. Đồng bộ, hiện đại, thông suốt**
- C. Chủ yếu lưu trữ vật lý
- D. Không kết nối mạng

Câu 6: Một mục tiêu quan trọng trong hoạt động của MTTQ thành phố thời kỳ số là gì?

- A. Giảm giám sát
- B. Tăng cường giám sát, phản biện xã hội**
- C. Hạn chế tập hợp Nhân dân
- D. Giảm tương tác với Nhân dân

Câu 7: Mục tiêu về cấp chữ ký số cho tổ chức, cán bộ, công chức trong Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố được đặt ra ở mức nào?

- A. 50%
- B. 70%
- C. 90%
- D. 100%**

Câu 8: Theo Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Đà Nẵng thì phần đầu bao nhiêu phần trăm nền tảng, ứng dụng số dùng chung được triển khai, sử dụng?

- A. 70%
- B. 80%
- C. 90%
- D. 100%**

Câu 9: Theo Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Đà Nẵng thì các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phải được:

- A. Đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ**
- B. Xóa bỏ hoàn toàn
- C. Chuyển thành hồ sơ giấy
- D. Công khai toàn bộ

Câu 10. Một trong các giải pháp bảo vệ thông tin là theo Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Đà Nẵng là gì?

- A. Mã hóa và kiểm soát quyền truy cập**
- B. Chia sẻ tài khoản dùng chung
- C. Công khai mật khẩu
- D. Tắt toàn bộ hệ thống bảo mật